

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
					10%					30%			
1	1813119351	Vũ Hồng Giáp	N18TPM1	5	6	8	5	5	6.0	5.0	5.3	Năm phẩy Ba	
2	1813119383	Huỳnh Công Khá	N18TPM1	6	7	6	7	6	6.5	5.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
3	1813119393	Hồ Văn Bảo Linh	N18TPM1	7	5	8	5	7	6.3	5.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
4	1813119401	Trương Minh Nghĩa	N18TPM1	5	9	9	7	5	7.5	5.3	5.9	Năm phẩy Chín	
5	1813119455	Trần Gia Thịnh	N18TPM1	5	7	9	7	5	7.0	5.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
6	1813119459	Nguyễn Huy Toàn	N18TPM1	6	6	5	6	6	5.8	5.3	5.5	Năm phẩy Năm	
7	1813119470	Hồ Anh Tuấn	N18TPM1	6	5	5	5	5	5.0	5.0	5.1	Năm phẩy Một	
8	1813119478	Trần Nhật Vinh	N18TPM1	6	6	5	7	5	5.8	4.0	0.0	Không	
9	1813119345	Nguyễn Thành Đạt	N18TPM1	5	6	4	6	4	5.0	5.0	5.0	Năm	BSD,
10	1813119353	Bùi Văn Hà	N18TPM1	5	5	5	5	5	5.0	5.0	5.0	Năm	BSD,
11	1812119390	Briú Hồng Lê	N18TPM1	5	8	1	2	9	5.0	5.0	5.0	Năm	BSD,
12	1813119412	Đặng Văn Xuân Phát	N18TPM1	5	5	5	6	4	5.0	5.0	5.0	Năm	BSD,
13	1813119453	Phan Thảo	N18TPM1	5	6	4	6	4	5.0	5.0	5.0	Năm	BSD,
14	1813119481	Phạm Nguyễn Vũ	N18TPM1	5	7	6	6	4	5.8	5.5	5.5	Năm phẩy Năm	BSD,
15	1813119480	Nguyễn Tuấn Vũ	N18TPM1	5	5	6	5	4	5.0	5.0	5.0	Năm	BSD,
16	1813119405	Trần Bảo Ngọc	N18TPM2	7	7	5	7	7	6.5	5.3	5.8	Năm phẩy Tám	
17	1813119407	Lê Kế Nhật	N18TPM2	9	10	6	9	9	8.5	5.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
18	1813119426	Nguyễn Đình Phương	N18TPM2	5	7	7	6	5	6.3	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
19	1813119428	Trần Bá Quang	N18TPM2	5	5	4	6	6	5.3	5.0	5.1	Năm phẩy Một	
20	1813119432	Nguyễn Đình Phi Sa	N18TPM2	7	6	7	0	7	5.0	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
21	1813119454	Lê Thừa Dương Thắng	N18TPM2	6	3	6	6	7	5.5	5.0	5.3	Năm phẩy Ba	
22	1813119431	Phạm Văn Quý	N18TPM2	5	6	7	4	3	5.0	0.0	0.0	Không	BSD, LP
23	1813119335	Nguyễn Mạnh Cường	N18TPM3	6.5	8	6	6	7	6.8	4.3	0.0	Không	
24	1813119347	Bùi Xuân Đoài	N18TPM3	7	8	6	7	7	7.0	5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
25	1813119341	Nguyễn Tấn Dương	N18TPM3	6.5	2	7.5	5	6	5.1	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
26	1813119378	Lê Nho Bảo Huy	N18TPM3	7.4	8	3	6	6	5.8	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
27	1813119388	Trần Ngọc Khôi	N18TPM3	7.8	9	8	7	6	7.5	5.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
28	1813119406	Trần Xuân Ngọc	N18TPM3	7	10	9	6	7	8.0	0.0	0.0	Không	LP
29	1813119410	Lê Văn Nhựt	N18TPM3	8.9	9	7	8	8	8.0	5.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
30	1813119392	Mai Văn Linh	N18TPM3	5	6	7	3	4	5.0	5.3	5.2	Năm phẩy Hai	BSD,
31	1813119399	Hồ Hải Quân Nam	N18TPM3	5	5	4	6	5	5.0	5.5	5.3	Năm phẩy Ba	BSD,
32	1813119339	Hồ Đức Duy	N18TPM4	7	6	5	6	5	5.5	5.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
33	1813119352	Trần Thanh Hà	N18TPM4	9.2	7	7	7	7	7.0	5.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
34	1813119418	Nguyễn Hoàng Phụng	N18TPM4	8.2	5	5	7	6	5.8	5.0	5.6	Năm phẩy Sáu	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
35	1813119451	Đinh Ngọc Thành	N18TPM4	6	8	5	6	6	6.3	0.0	0.0	<i>Không</i>	LP
36	1813119397	Phạm Hoàng Minh	N18TPM4	8.2	6	7	6	6	6.3	5.3	5.9	<i>Năm phẩy Chín</i>	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	31	86%	
2	Số sinh viên nợ	5	14%	
TỔNG CỘNG :		36	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 09 năm 2013

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân